TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2019/HS-PT
Ngày: 30-8-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông, ông Huỳnh Ngọc Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Nồm – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 48/2019/TLPT-HS ngày 05 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo Lê Xuân H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 32/2019/HS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị cáo có kháng cáo:* **Lê Xuân H**, sinh năm 1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số xxxC, khu phố X, Phường X, thành phố B, tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: số xxxc, khu phố X, Phườngx, thành phố B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân H, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960, vợ: Huỳnh Thị Xuân L, sinh năm 1991; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* luật sư Lê Nhật H (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt); luật sư Nguyễn Thị H(có mặt) - Văn phòng luật sư C Chi nhánh Bến Tre – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ 55 phút ngày 02 tháng 01 năm 2019, lực lượng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Bến Tre đang tuần tra đến đoạn thuộc khu phố Bình Khởi, Phường x, thành phố B thì phát hiện Lê Xuân H đang điều khiển xe mô tô

biển số xxBx-xxx.xx có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu dừng xe kiểm tra. Qua kiểm tra phát hiện H có hành vi cất giấu trái phép một túi nhựa chứa ma túy để trong cốp xe mô tô. Ngoài ra, còn phát hiện trên mặt đường kế bên xe mô tô có hai viên nén màu vàng nằm trên mảnh giấy màu trắng nên thông báo cho cơ quan điều tra lập biên bản phạm pháp quả tang thu giữ tang vật gồm: thu trong cốp xe mô tô một túi ny long màu trắng, hàn kín ba khía, phía trên có rãnh khép và vạch màu xanh, bên trong có chứa tinh thể màu trắng, thu dưới đất gần xe mô tô 02 (hai) viên nén màu vàng; 01 (một) xe mô tô biển số xxBx-xxx.xx, 01 (một) giấy phép lái xe số AD 132435 tên Lê Xuân H; 01 (một) giấy đăng ký xe số 047870 tên Nguyễn Thị H, 01 (một) túi vải màu xanh; 01 (một) điện thoại di động Iphone màu trắng, số IMEL 353227107506382̀6; 01 (một) mảnh giấy màu trắng, 2.410.000 đồng tiền Việt Nam.

Qua làm việc H khai nhận: 01 túi ny long bên trong có chứa tinh thể màu trắng và hai viên nén màu vàng mà lực lượng Công an thu giữ là ma túy mua của một thanh niên T (không rõ lai lịch) ở quán N 007 ở ấp x, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre với giá 1.500.000 đồng để sử dụng. Sau khi mua H cất hai viên thuốc lắc cùng một túi ny long đựng ma túy vào cốp xe mô tô biển số xxBx-xxx.xx. Đến khoảng 23 giờ 55 phút ngày 02 tháng 01 năm 2019, H đang điều khiển xe thì bị cảnh sát giao thông yêu cầu dừng lại kiểm tra, lúc lấy giấy tờ xe H lấy hai viên thuốc lắc ném xuống lộ nhựa thì bị cảnh sát giao thông phát hiện bắt quả tang.

Theo kết luận giám định số 738/C09B ngày 29 tháng 01 năm 2019 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Gói 1: chất màu trắng đựng trong một gói ny long hàn kín ba phía có rãnh khép và vạch màu xanh được niêm phong gửi giám định là ma túy, khối lượng 0,3838 gam, loại Ketamine.

- Gói 2: 02 viên nén hình vuông màu vàng có lo go "hình bông hoa 04 cánh được niêm phong gửi giám định là ma túy, khối lượng 0,5486 gam, loại MDMA.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2019/HS-ST ngày 30/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B đã tuyên bố bị cáo Lê Xuân H phạm "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy". Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Xuân H 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 11/6/2019, bị cáo kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 01 năm tù về

“Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất tội danh điều khoản mà Toà án sơ thẩm đã xác định. Tuy nhiên, ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng thì bị cáo còn được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ mới như phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn và phạm tội lần đầu theo điểm h và i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo ở nhà phụ giúp gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào hành vi của bị cáo Lê Xuân H cất giữ trái phép 0,3838 gam ma túy, loại Ketamine và 0,5486 gam ma túy, loại MDMA để sử dụng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án đối với bị cáo H là đúng quy định pháp luật, không oan, sai.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho bị cáo được hưởng án treo thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 01 năm tù là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Đối với ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng: bị cáo được hưởng thêm hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo điểm h, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không đúng nên không được chấp nhận. Đồng thời hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là mức khởi điểm của khung hình phạt, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội mà bị cáo gây ra. Mặt khác, tệ nạn ma túy là hiểm họa lớn cho toàn xã hội, gây tác hại cho sức khỏe, tinh thần của con người, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội là nguyên nhân chính dẫn đến các tệ nạn xã hội khác. Để phòng ngừa, ngăn chặn và đấu tranh có hiệu quả với tệ nạn ma túy cần phải xử lý nghiêm các hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy nên cần cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội để giáo dục riêng và phòng ngừa chung trước thực trạng tội phạm về ma túy đang có

chiều hướng gia tăng. Việc cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội trong một khoảng thời gian nhất định là cần thiết, tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm của bản thân và cai nghiện ma túy. Vì vậy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo và ý kiến bào chữa của luật sư.

[3] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo giữ nguyên mức hình phạt 01 năm tù là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo phải chịu do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Xuân H 01 (một) năm tù về "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

[2] Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Lê Xuân H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân thành phố B (3b);
- Công an và VKSND thành phố B (2b);
- Chi cục THADS thành phố B (1b);
- UBND phường 5, thành phố B (1b);
- Bị cáo tại ngoại (01b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Quang Sơn